

Số: 51 /2026/QĐ-UBND

Đồng Tháp, ngày 22 tháng 4 năm 2026

QUYẾT ĐỊNH

Quy định hạn mức công nhận đất ở, hạn mức giao đất ở trên địa bàn tỉnh Đồng Tháp

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương số 72/2025/QH15;

Căn cứ Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật số 64/2025/QH15
được sửa đổi, bổ sung bởi Luật số 87/2025/QH15;

Căn cứ Luật Đất đai số 31/2024/QH15 được sửa đổi, bổ sung bởi Luật số
43/2024/QH15;

Căn cứ Nghị định số 101/2024/NĐ-CP của Chính phủ quy định về điều tra
cơ bản đất đai; đăng ký, cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu
tài sản gắn liền với đất và Hệ thống thông tin đất đai;

Căn cứ Nghị định số 102/2024/NĐ-CP của Chính phủ quy định chi tiết thi
hành một số điều của Luật Đất đai;

Căn cứ Nghị định số 78/2025/NĐ-CP của Chính phủ quy định chi tiết một số
điều và biện pháp để tổ chức, hướng dẫn thi hành Luật Ban hành văn bản quy phạm
pháp luật, được sửa đổi, bổ sung bởi Nghị định số 187/2025/NĐ-CP;

Căn cứ Nghị định số 151/2025/NĐ-CP của Chính phủ quy định về phân định
thẩm quyền của chính quyền địa phương 02 cấp, phân quyền, phân cấp trong lĩnh
vực đất đai;

Theo đề nghị của Giám đốc Sở Nông nghiệp và Môi trường;

Ủy ban nhân dân ban hành Quyết định quy định hạn mức công nhận đất ở,
hạn mức giao đất ở trên địa bàn tỉnh Đồng Tháp.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh

Quyết định này quy định hạn mức công nhận đất ở cho hộ gia đình, cá nhân;
hạn mức giao đất ở cho cá nhân tại nông thôn, đô thị trên địa bàn tỉnh Đồng Tháp
theo quy định tại khoản 5 Điều 141, khoản 2 Điều 195, khoản 2 Điều 196 Luật Đất
đai số 31/2024/QH15 được sửa đổi, bổ sung bởi Luật số 43/2024/QH15.

Điều 2. Đối tượng áp dụng

- Hộ gia đình, cá nhân được công nhận đất ở với đất ở.
- Cá nhân được giao đất ở.
- Cơ quan thực hiện chức năng quản lý nhà nước về đất đai.
- Các cơ quan, tổ chức, cá nhân khác có liên quan.

Điều 3. Hạn mức công nhận đất ở cho hộ gia đình, cá nhân

- Đất sử dụng trước ngày 18 tháng 12 năm 1980

- Đất ở tại đô thị: 350 m²
- Đất ở tại nông thôn: 500 m²

2. Đất sử dụng từ ngày 18 tháng 12 năm 1980 đến trước ngày 15 tháng 10 năm 1993

a) Đất ở tại đô thị: 300 m²

b) Đất ở tại nông thôn: 450 m²

Điều 4. Hạn mức giao đất ở cho cá nhân

1. Đất ở tại đô thị: không quá 200 m²

2. Đất ở tại nông thôn: không quá 350 m²

3. Hạn mức giao đất ở quy định tại khoản 1, khoản 2 Điều này không áp dụng đối với các trường hợp: nhà nước giao đất ở có thu tiền sử dụng đất thông qua đấu giá quyền sử dụng đất; nhà nước bồi thường bằng việc giao đất ở cho mỗi hộ gia đình, cá nhân bị thu hồi đất.

Điều 5. Điều khoản chuyển tiếp

Đối với các hồ sơ đề nghị công nhận đất ở, giao đất ở cho hộ gia đình, cá nhân đã được cơ quan có thẩm quyền tiếp nhận trước ngày Quyết định này có hiệu lực thi hành thì được tiếp tục giải quyết theo các nội dung được quy định tại Quyết định số 44/2024/QĐ-UBND ngày 14 tháng 10 năm 2024 của Ủy ban nhân dân tỉnh Tiền Giang quy định hạn mức công nhận đất ở, hạn mức giao đất ở trên địa bàn tỉnh Tiền Giang và Quyết định số 20/2024/QĐ-UBND ngày 23 tháng 9 năm 2024 của Ủy ban nhân dân tỉnh Đồng Tháp quy định hạn mức giao đất ở, hạn mức công nhận quyền sử dụng đất ở, hạn mức giao đất chưa sử dụng, hạn mức công nhận quyền sử dụng đất nông nghiệp do tự khai hoang và hạn mức nhận chuyển quyền sử dụng đất nông nghiệp trên địa bàn tỉnh Đồng Tháp.

Điều 6. Điều khoản thi hành

1. Quyết định này có hiệu lực thi hành từ ngày 05 tháng 5 năm 2026.

2. Quyết định số 44/2024/QĐ-UBND ngày 14 tháng 10 năm 2024 của Ủy ban nhân dân tỉnh Tiền Giang quy định hạn mức công nhận đất ở, hạn mức giao đất ở trên địa bàn tỉnh Tiền Giang hết hiệu lực thi hành kể từ ngày Quyết định này có hiệu lực thi hành.

3. Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh; Thủ trưởng các sở, ngành tỉnh; Chủ tịch Ủy ban nhân dân các xã, phường; các tổ chức; hộ gia đình và cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này. /.

Nơi nhận:

- Như Điều 6;
- Văn phòng Chính phủ;
- Bộ Nông nghiệp và Môi trường;
- Cục KTVB&TCTHPL - Bộ Tư pháp;
- Công Thông tin điện tử Chính phủ;
- Thường trực Tỉnh ủy;
- Thường trực HĐND tỉnh;
- UBND tỉnh: Chủ tịch, Phó Chủ tịch;
- UB MTTQVN tỉnh;
- Các Ban - HĐND tỉnh;
- VPUBND tỉnh: CVP, PCVP, P.KT(Dung, Tân), B.TCD-NC(Lựa);
- Công Thông tin điện tử tỉnh;
- Công báo tỉnh;
- Lưu: VT, P.KT(Lực).

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN ^{ngm}
KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH

Nguyễn Phước Thiện